

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH OAI  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ

Ngày: 5/6/2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiểm

Các Hội thẩm nhân dân:  
1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt  
2. Ông Lưu Bá Ngọc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thọ Thuận - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 5 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2024 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá Q, sinh năm 1962. Có mặt

Trú tại: Số ..., ngách ... xóm Đ, Thôn P, xã M, huyện T, H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Có mặt

Trú tại: Số ..., ngách ... xóm Đ..., Thôn P, xã M, huyện T, H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Q trình bày: Tôi và bà H tự nguyện kết hôn năm 1987, đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Mỹ Hưng, Thanh Oai. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà H nghi ngờ tôi có quan hệ tình cảm với người khác; ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về kinh tế; vợ chồng mỗi người sống một nơi từ năm 2014 đến nay; Thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau; cơm ai người đấy ăn, kinh tế độc lập. Năm 2021 tôi có gửi đơn xin ly hôn bà H; Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai xử cho

tôi được ly hôn bà H, sau đó bà H kháng cáo bản án sơ thẩm. Cũng vào năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm xử bác đơn xin ly hôn của tôi. Tuy nhiên từ thời gian Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bác đơn ly hôn đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vẫn mỗi người sống một nơi, cơm ai người đẩy ăn, tiền ai người đẩy tiêu; đến nay vợ chồng không còn tình cảm gì cả, bà H nhiều lần đối xử quá đáng với tôi, bắt tôi phải phụ thuộc bà H, không tôn trọng tôi; từ lâu chúng tôi đã không còn tiếng nói chung; đến nay vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên tôi vẫn nhất quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn bà H; Về con chung: Vợ chồng tôi có hai con chung gồm: Nguyễn Bá Minh Đức, sinh ngày 4/7/1988 và Nguyễn Trà My, sinh ngày 22/4/1994. Hiện các con chung của vợ chồng tôi đều đã đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng rồi nên tôi không có ý kiến gì về con chung; Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung; Về công nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ chung, cũng không cho ai vay nợ cả.

Phía bị đơn Bà H thừa nhận lời trình bày của ông Q về thời điểm kết hôn nơi đăng ký kết hôn là đúng; năm 2014 vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn do ông Q có quan hệ với chị dâu tôi, ngoài ra không mâu thuẫn về nguyên nhân gì khác. Ông Q hiện đang sống với người khác nhưng tôi cũng đồng ý và chấp nhận, không có ý kiến gì. Năm 2021, 2022 ông Q gửi đơn xin ly hôn, sau đó Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã bác đơn ly hôn của ông Q; từ khi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bác đơn, tôi và ông Q vẫn mỗi người sống một nhà riêng, không chuyện trò, quan tâm, chăm sóc nhau gì cả. Nay ông Q xin ly hôn tôi không đồng ý ly hôn, ông Q muốn sống với ai thì sống; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bá Minh Đức, sinh ngày 4/7/1988 và Nguyễn Trà My, sinh ngày 22/4/1994. Các con tôi đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, ăn riêng ở riêng hết rồi nên tôi không có ý kiến gì về con chung cả. Về tài sản chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai cũng đã tiến hành xác minh, được cung cấp: cách đây khoảng chục năm ông Q, bà H xảy ra mâu thuẫn do ông Q có quan hệ và chung sống với người khác; vợ chồng đã sống ly thân từ hơn chục năm nay. Giữa ông Q và bà H không còn quan hệ với nhau nữa; hiện bà H ở cùng các con của bà H và ông Q còn ông Q ở nhà khác cùng người khác.

Tại phiên tòa, ông Q vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn bà H; về con chung: các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết;

Bị đơn là Bà H không đồng ý ly hôn và cho rằng ông Q đang ở với người khác nên không có quyền xin ly hôn bà; về tài sản chung bà H không yêu cầu

Tòa án giải quyết; nợ chung: không có; con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật, nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh giấy triệu tập của Tòa; Về nội dung: ông Q, bà H tự nguyện kết hôn với nhau năm 1987, đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai là hôn nhân hợp pháp; quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ 2014 và đã sống ly thân; năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử bác đơn ly hôn của ông Q nhưng từ đó đến nay ông Q và bà H vẫn ăn riêng, ở riêng. Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Q, bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông Q được ly hôn bà H; về con chung: các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề nghị xem xét; về tài sản chung không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đề nghị gì, nợ chung: Không có; về án phí ông Q là người cao tuổi nên đề nghị áp dụng nghị quyết 326 của UBTVQH miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Q.

### **TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân gia đình. Bị đơn là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Trú tại: Số 6, ngách 2 xóm Đông, Thôn Phụng Mỹ, xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, Hà Nội nên căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai giải quyết.

2} Nội dung: Ông Nguyễn Bá Q và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn năm 1987, đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, Hà Tây cũ (nay là Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội) nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; ông Q cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do bà H nghi ngờ ông có quan hệ tình cảm với người khác; ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về kinh tế; còn bà H cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông Q có quan hệ với chị dâu bà; từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Xét tình trạng quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H, hội đồng xét xử thấy: vợ chồng ông Q, bà H xảy ra mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2014; vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau và đã sống ly thân từ 2014 đến nay; năm 2021 ông Q đã một lần gửi đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

đã bác đơn xin ly hôn của ông Q; tuy nhiên từ thời điểm Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử bác đơn của ông Q đến nay tình cảm vợ chồng giữa ông Q, bà H không được cải thiện, vợ chồng vẫn mỗi người sống một nơi, cơm ai người đây ăn, tiền ai người đây tiêu; vợ chồng không có tiếng nói chung và không còn tình cảm gì cả. Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Q, bà H đã trầm trọng; mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho ông Nguyễn Văn Q được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng ông Q, bà H có 02 con chung là Nguyễn Bá Minh Đức, sinh ngày 4/7/1988 và Nguyễn Trà My, sinh ngày 22/4/1994.

Ông Q và bà H đều xác nhận các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, ăn riêng ở riêng hết rồi nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Q, bà H đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phần chia tài sản chung nên Tòa không xem xét, giải quyết.

Về công nợ chung: ông Q, bà H đều khai vợ chồng không nợ chung;

Về án phí: ông Q phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do ông Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Q; trả lại ông Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020701 ngày 01/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình

Căn cứ Điều 147; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Ông Nguyễn Bá Q được ly hôn bà Nguyễn Thị H

2. Về con chung: Ông Nguyễn Bá Q và bà Nguyễn Thị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bá Minh Đức, sinh ngày 4/7/1988 và Nguyễn Trà My, sinh ngày 22/4/1994.

Do các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Tòa không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về công nợ chung: Không có

5. Về án phí ly hôn: miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Q;

Trả lại ông Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020701 ngày 01/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Oai;
- THA huyện Thanh Oai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nguyễn Thị Kiểm***